TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2025/DS-PT
Ngày: 18 - 6 - 2025
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Tú

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Chuyền

Bà Nguyễn Thị Hằng

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 18/6/2025, Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2025/DS-ST ngày 20/02/2025 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2025/QĐ-PT ngày 06/5/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 83/QĐ-PT ngày 26/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1980 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
- Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1992 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người kháng cáo: Chị Phạm Thị H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị C trình bày:*

Giữa chị và chị Phạm Thị H có mối quan hệ quen biết nhau nên chị đã cho chị H vay 02 lần với tổng số tiền 910.000.000 đồng để chị H sử dụng vào việc đáo hạn tiền vay ngân hàng và đầu tư làm ăn phát triển kinh tế cụ thể như sau:

- Đối với khoản vay nợ trong Giấy vay nợ ngày 16/01/2023.

Ngày 16/01/2023 dương lịch chị H hỏi vay chị số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Chị và chị H thống nhất đây là một khoản vay riêng không

liên quan đến các khoản vay khác, chị H viết Giấy vay tiền riêng đối với khoản vay này. Lãi suất chị và chị H thống nhất là 1%/tháng. Thời hạn vay từ ngày 16/01/2023 đến ngày 18/01/2023. Tuy nhiên khi đến hạn chị H không trả nợ chị . Chị H không trả chị cả tiền gốc và tiền lãi.

Về thanh toán tiền lãi: Đối với khoản vay nợ 500.000.000 đồng ngày 16/01/2023, từ khi vay nợ đến nay, chị H chưa thanh toán tiền lãi cho chị .

Nay chị yêu cầu chị Phạm Thị H phải trả nợ số tiền 500.000.000 đồng gốc của Giấy vay tiền ghi ngày 16/1/2023 dương lịch với lãi suất là 0,83%/tháng, kể từ ngày vay 16/01/2023 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn thời gian trả lãi là 02 năm 01 tháng.

- Đối với khoản nợ vay ngày 30/4/2023 nhưng được chốt nợ trong giấy vay nợ ngày 20/8/2023 thì chị cho chị Phạm Thị H vay với tổng số lần là 05 (năm) lần được chuyển khoản từ số tài khoản của chị là 221119808, ngân hàng M, chủ tài khoản Vu Thi Chuyen qua số tài khoản 821000033083 Ngân hàng V Chủ tài khoản Phạm Thị H. Thời điểm chị H bắt đầu vay chị là ngày 17/5/2022 đến ngày 17/10/2022, với tổng số tiền là 1.310.000.000 đồng. Giữa chị và chị H thống nhất chị H trả lãi suất là 4,5%/tháng. Cụ thể thông tin từng lần vay nợ chị liệt kê chi tiết trong bảng thống kê tiền vay.

Tổng số tiền chị H vay chị là 1.310.000.000 đồng. Chị H đã trả chị 04 lần tiền gốc với tổng số tiền là 900.000.000 đồng tiền gốc, 21 lần trả tiền lãi với tổng số tiền là 256.700.000 đồng. Cụ thể từng lần trả chị liệt kê chi tiết trong bảng thống kê tiền trả.

Ngày 20/8/2023 chị và chị H đã ngồi lại để đối chiếu, tính toán lại số tiền gốc, lãi mà chị H đã trả chị. Theo đó chị và chị H chốt số tiền gốc, tiền lãi và chị H viết giấy và ký giấy chốt nợ ghi ngày 20/8/2023 với số tiền gốc 410.000.000 đồng, chị H đã trả 60.000.000 đồng tiền lãi, số tiền lãi còn nợ là 5.500.000 đồng tính đến ngày 30/8/2023 và hai bên ký vào giấy trả lãi ghi ngày 20/8/2023. Chị H hẹn chị đến 30/9/2023 thì trả hết số tiền gốc 410.000.000 đồng, số tiền lãi là 5.500.000 đồng nên chị đã để chị H giữ lại giấy chốt nợ 30/8/2023 là bản gốc có chữ ký của chị H và của chị.

Ngày 21/10/2023 chị có ký nhận vào giấy Biên nhận ghi ngày 21/10/2023 với số tiền 17.000.000 đồng mà chị H trả lãi của khoản vay 410.000.000 đồng.

Nay chị yêu cầu chị Phạm Thị H trả nợ cho chị số tiền 410.000.000 đồng tiền gốc vay ngày 30/4/2023 với lãi suất là 0,83%/tháng, kể từ ngày vay 30/04/2023 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn thời gian trả lãi là 01 năm 09 tháng.

Ngoài ra chị không có tranh chấp hoặc yêu cầu gì khác.

Về nguồn gốc số tiền chị cho chị H vay nợ, đây là khoản tiền riêng của chị vay của người khác về cho chị Phạm Thị H vay. Chồng chị là anh Nguyễn Đức X không biết và cũng không liên quan gì đến việc chị cho chị H vay nợ số tiền trên.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Phạm Thị H trình bày:*

- Chị có vay chị Vũ Thị C số tiền 500.000.000 đồng tiền mặt, lãi suất vay do hai bên thỏa thuận lãi 1%/tháng (12%/năm). Thời hạn vay là 03 ngày từ ngày 16/01/2023 dương lịch đến ngày 18/01/2023 dương lịch thì trả nợ. Chị là người viết, ký, điểm chỉ giấy vay tiền ghi ngày 16/1/2023 dương lịch này. Đến ngày 30/4/2023, chị đã trả cho chị C tổng số tiền gốc là 200.000.000 đồng chuyển khoản qua tài khoản số 221119808, ngân hàng Q (MB) của chị Vũ Thị C theo giấy nợ ngày 16/01/2023.

Trong khoảng thời gian từ ngày 01/5/2023 đến ngày 12/7/2023 chị đã trả tiền gốc cho chị Vũ Thị C số tiền là: 39.000.000 đồng tiền gốc (trong đó trả vào các ngày: ngày 18/5/2023: 5.000.000đồng; ngày 26/5/2023: 10.000.000đồng; ngày 11/6/2023: 4.000.000 đồng; ngày 12/7/2023: 20.000.000 đồng. Tất cả đều qua số tài khoản 221119808, ngân hàng Q (MB) của chị Vũ Thị C. Tổng số tiền gốc còn nợ chưa trả của mã vay ngày 16/1/2023 là 261.000.000đồng. Chị chưa trả lãi đồng nào của mã vay ngày 16/1/2023. Chị và chị C chưa ký lập giấy chốt nợ, thanh toán nợ với nhau lần nào của mã vay ngày 16/1/2023 và chị chưa thu hồi lại giấy vay tiền này.

- Chị khẳng định không vay chị Vũ Thị C số tiền 410.000.000 đồng ngày 30/04/2023. Hai bên không thỏa thuận với nhau là 4%/tháng (48%/năm). Chị không thoả thuận gì về thời hạn vay do hai bên thỏa thuận là 05 tháng kể từ ngày 30/04/2023 đến ngày 30/09/2023 như chị C trình bày. Chị cũng không ký giấy nhận nợ của số tiền 410.000.000 đồng ngày 30/4/2023 như chị C trình bày.

Nay chị chỉ đồng ý trả nợ gốc 261.000.000 đồng giấy vay tiền ghi ngày 16/1/2023 dương lịch và lãi suất theo quy định là 0,83%/tháng kể từ ngày vay 16/1/2023 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm.

Chị không đồng ý trả nợ của số tiền 410.000.000 đồng ngày 30/4/2023 như chị C trình bày.

Chồng chị là Đặng Văn D và chồng chị C là Nguyễn Đức X1 không tham gia vay nợ, không tham gia giao dịch, không liên quan đến tài sản chung vợ chồng nên đề nghị không đưa tham gia tố tụng.

Chị đã nhận đầy đủ các văn bản tống đạt của Tòa án. Ngoài ra chị không có tranh chấp hoặc yêu cầu gì khác.

Với những nội nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 20/02/2025 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang đã Căn cứ vào: Điều 194, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 469, khoản 2 Điều 470, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 184, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a điểm b khoản 02 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2019/NQ - HĐTP ngày

11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị C.

2. Buộc chị Phạm Thị H có nghĩa vụ trả chị Vũ Thị C tổng số tiền là: 1.008.213.000 đồng (Trong đó: 904.463.000 đồng tiền gốc, 103.750.000 đồng tiền lãi).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất chậm trả, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/3/2025 chị Phạm Thị H kháng cáo bản án, đề nghị cấp phúc xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C về số tiền 410.000.000 đồng ngày 30/4/2023, vì không có căn cứ, không có giấy vay hợp lệ. Các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu gì mới, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi xem xét yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị H, phân tích nội dung, các tình tiết của vụ án. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của Phạm Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm: 07/2025/DS-ST ngày 20/02/2025 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang. Chị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của chị Phạm Thị H, HĐXX thấy:

Giữa chị Vũ Thị C và chị Phạm Thị H có mối quan hệ quen biết, nên chị C đã cho chị H vay tổng số tiền 910.000.000 đồng.

Đối với Giấy vay tiền ghi ngày 16/01/2023, chị Phạm Thị H thừa nhận có viết, ký nhận nợ và vay chị C số tiền 500.000.000 đồng, phù hợp lời khai của chị C là người cho vay. Đến hạn trả nợ gốc ngày 18/01/2023, thì chị H cho rằng đã trả cho chị C số tiền gốc vào các ngày 30/4/2023 trả 200.000.000 đồng, ngày 18/5/2023 trả 5.000.000 đồng, ngày 26/5/2023 trả 10.000.000 đồng, ngày 11/6/2023 trả 4.000.000 đồng; ngày 12/7/2023 chị trả 20.000.000 đồng tiền gốc. Nhưng tất cả các lần trả nợ này chị H không ký lập giấy chốt nợ, thanh toán nợ gốc, lãi với chị C lần nào của mã vay ngày 16/01/2023. Chị C cũng không thừa nhận việc chị H đã trả 239.000.000 đồng trên là trả tiền gốc như chị H trình bày. Mặt khác, các mã chuyển khoản mà chị

H cho rằng đã trả gốc 239.000.000 đồng cũng không ghi rõ nội dung chuyển khoản là trả nợ gốc mà ghi là chuyển trả lãi vay của khoản vay nào. Giữa chị C và chị H có nhiều lần giao dịch vay tiền với nhau, nên xác định số tiền vay gốc ngày 16/01/2023 đến nay chị H chưa trả chị C là 500.000.000đồng. Toà án cấp sơ thẩm buộc chị Phạm Thị H trả số tiền gốc 500.000.000 đồng cho chị Vũ Thị C là có căn cứ chấp nhận.

Đối với số tiền 410.000.000 đồng, vay ngày 30/4/2023: Tại phiên toà sơ thẩm chị Phạm Thị H xuất trình bản gốc Giấy trả lãi ghi ngày 20/8/2023 do chị Phạm Thị H viết và ký tên bên vay, chị Vũ Thị C ký tên bên cho vay với nội dung: *"Ngày 30/4/2023 tôi có vay của bà C số tiền là 410.000.000 đồng với tổng lãi đến ngày hôm nay 20/8/2023 là 65.000.000 đồng tính đến ngày 30/8/2023. Số tiền đã trả là 60.000.000 đồng. Số tiền lãi còn nợ là 5.500.000 đồng".* Chị H đã tự thừa nhận số tiền vay trên và đến ngày 21/10/2023 chị H có giấy biên nhận trả lãi 17.000.000 đồng của số tiền 410.000.000 đồng cho chị C là phù hợp với lời khai trình bày của chị C. Giấy trả lãi ghi ngày 20/8/2023 này không có nội dung nào chốt nợ, thanh toán liên quan đến mã vay 500.000.000 đồng ngày 16/01/2023. Ngoài lời khai thì chị H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác. Nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến của chị H về việc ngày 20/8/2023 chốt nợ liên quan số tiền vay 500.000.000 đồng của giấy vay nợ ngày 16/01/2023. Do vậy, có cơ sở xác định ngày 30/4/2023 chị Vũ Thị C có cho chị Phạm Thị H vay 410.000.000 đồng tiền gốc. Toà án cấp sơ thẩm buộc chị H trả chị C số tiền 410.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2] Về lãi suất của số tiền vay gốc: Các đương sự có thoả thuận lãi suất nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm trả nợ tương ứng lãi suất 0,83%/tháng.

Tiền lãi của số tiền vay gốc 500.000.000đồng x 0,83%/tháng x 02 năm 01 tháng tính tròn thời gian (vay từ ngày 16/01/2023 tính tròn đến ngày xét xử sơ thẩm 20/2/2025) = 103.750.000 đồng, tiền lãi chị H phải trả chị C.

Tiền lãi của số tiền vay gốc 410.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 01 năm 9 tháng tính tròn thời gian (vay từ ngày 30/4/2023 tính tròn đến ngày xét xử sơ thẩm 20/2/2025) = 71.463.000 đồng, tiền lãi chị H phải chị Vũ Thị C.

Ngày 20/8/2023 chị H đã trả lãi chị C 60.000.000 đồng và ngày 21/10/2023 chị H đã trả lãi chị C 17.000.000 đồng, tổng cộng là 77.000.000 đồng, được trừ vào số tiền lãi 71.463.000 đồng của khoản vay gốc 410.000.000 đồng, chị H trả lãi thừa tiền lãi là 5.537.000 đồng, nên được trừ vào số tiền gốc 410.000.000 đồng gốc vay ngày 30/4/2023. Tòa án cấp sơ thẩm đã tính tiền lãi của số tiền vay trên sau đó được đối trừ tiền lãi 77.000.000 đồng chị H đã trả cho chị C vào số tiền lãi, tiền gốc của khoản vay trên là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] Ngoài việc giao dịch của hai mã vay trên thì chị chị Vũ Thị C và chị Phạm Thị H còn nhiều lần giao dịch tiền với nhau. Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Quyết định

yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số: 127/QĐ- CCTLCC, ngày 07/11/2024 nhưng các bên không chứng minh được số tiền gốc, lãi chuyển khoản cho nhau có nội dung liên quan trực tiếp đến hai mã vay ngày 16/1/2023 và ngày 30/4/2023 nên không có cơ sở xem xét. Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn chị Phạm Thị H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh cho việc kháng cáo, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị H.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Phạm Thị H không được chấp nhận nên chị H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2025/DS-ST ngày 20/02/2025 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002441 ngày 11/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND. TP Bắc Giang;
- Chi cục THADS. TP Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tú